

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/DS-ST
Ngày 03-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên
tòa:** Bà Dương Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 03/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2025/TLST-DS ngày 18/11/2025, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2026/QĐXX-ST ngày 09/3/2026 giữa các đương
sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1987 (CCCD 024087002345);
có mặt

Địa chỉ: **thôn H, xã H, tỉnh Bắc Ninh**

- **Bị đơn:** Anh **Hà Mạnh H** - sinh năm 1985 (CCCD 024085005402); vắng
mặt, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: **thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh**

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị **Nguyễn Thị M** – sinh năm 1993;
có mặt.

Địa chỉ: **thôn H, xã H, tỉnh Bắc Ninh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án *nguyên đơn* anh **Nguyễn Văn T** trình bày: anh có quen anh **Hà Mạnh H** (sinh năm 1985; trú tại **thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh**) từ năm 2021 qua một người bạn. Quá trình nói chuyện với nhau anh **H** cho biết có quen nhiều cán bộ huyện, tỉnh có khả năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân. Do có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, anh đã nhờ anh **H** làm thủ tục xin cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích hơn 1000m² tại thôn Đ, Đ, H, Bắc Giang (nay là thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh).

Sau khi anh đặt vấn đề nhờ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh H có nói là hỗ trợ chuyển đổi lên thổ cư, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và phân lô cho diện tích đất trên, tổng chi phí là 635.000.000 đồng, trong trường hợp không thực hiện được các công việc trên như đã thỏa thuận, anh H sẽ có trách nhiệm hoàn trả lại anh số tiền này.

Từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2022 anh đã đưa cho anh H số tiền trên, khi đưa tiền không lập thành văn bản. Đến cuối năm 2023 khi anh hỏi anh H về thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh H có hứa hẹn nhiều lần nhưng chưa có kết quả. Ngày 09/01/2023 anh và anh H đã ngồi thống nhất với nhau về việc anh H có trách nhiệm thực hiện các công việc như đã thỏa thuận, nếu không thực hiện được thì anh H phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 635.000.000 đồng. Số tiền này là tiền chung của vợ chồng anh.

Sau nhiều lần hứa hẹn, đến nay anh H vẫn không thực hiện thủ tục, cũng không trả lại tiền cho anh. Anh đã nhiều lần liên hệ nhưng anh H có biểu hiện trốn tránh, không hợp tác. Ngày 08/01/2024 anh Hà Mạnh H có viết giấy biên nhận cho anh, xác nhận anh H vay anh số tiền 635.000.000 đồng và hẹn vào ngày 30 hàng tháng kể từ tháng 01/2024 anh H có trách nhiệm trả anh mỗi tháng 20.000.000 đồng. Tuy nhiên kể từ thời điểm đó đến nay, anh H chưa trả anh được bất kỳ khoản gốc, lãi nào của số tiền nêu trên,

Nay anh đề nghị Tòa án xem xét, buộc cá nhân anh Hà Mạnh H phải hoàn trả cho vợ chồng anh số tiền 635.000.000 đồng, và tiền lãi trong hạn của khoản tiền trên kể từ ngày 09/01/2023 với lãi suất 10%/năm.

Bị đơn anh Hà Mạnh H trình bày: Anh và anh Nguyễn Văn T có mối quan hệ quen biết. Do anh T có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã liên hệ với anh để nhờ anh làm giúp vì trước đây anh có làm trong lĩnh vực này. Sau khi thống nhất nội dung thì hai bên có lập một bản thỏa thuận về nội dung công việc dịch vụ đề ngày 09/01/2023. Theo nội dung biên bản này thì anh T đưa cho anh số tiền là 635.000.000 đồng để anh thực hiện việc làm sổ đỏ cho anh theo như hai bên đã thống nhất.

Quá trình làm sổ thì anh T thay đổi ý kiến và không làm nữa, số tiền 635.000.000 đồng anh đã nhận của anh T đến nay anh chưa trả được do anh chưa có khả năng kinh tế và đang bị tạm giam. Anh H xác định số tiền 635.000.000 đồng nhận của anh T không liên quan đến chị Nguyễn Thị H1, vợ anh, anh và chị H1 cũng đã ly hôn năm 2024 tại Tòa án.

Nay anh T khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền 635.000.000 đồng và lãi suất là 10%/ năm kể từ ngày 09/01/2023 đến nay thì anh đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị là vợ anh Nguyễn Văn T. Anh T có quen anh Hà Mạnh H (sinh năm 1985; trú tại

thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh) từ năm 2021 qua một người bạn. Do có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, vợ chồng chị đã nhờ anh H làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích hơn 1000m² tại thôn Đ, Đ, H, Bắc Giang (nay là thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh).

Từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2022 vợ chồng chị đã đưa cho anh H số tiền 635.000.000 đồng để anh H làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên không có kết quả. Ngày 09/01/2023 anh T và anh H đã ngồi thống nhất với nhau về việc anh H có trách nhiệm thực hiện các công việc như đã thỏa thuận, nếu không thực hiện được thì anh H phải có trách nhiệm với vợ chồng tôi đối với số tiền 635.000.000 đồng. Số tiền này là tiền chung của vợ chồng chị.

Do anh H không thực hiện việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng chị. Ngày 08/01/2024 anh Hà Mạnh H có viết giấy biên nhận cho vợ chồng chị, xác nhận anh H vay vợ chồng chị số tiền 635.000.000 đồng và hẹn vào ngày 30 hàng tháng kể từ tháng 01/2024 anh H có trách nhiệm trả vợ chồng chị mỗi tháng 20.000.000 đồng. Tuy nhiên kể từ thời điểm đó đến nay, anh H chưa trả vợ chồng chị được bất kỳ khoản gốc, lãi nào của số tiền nêu trên,

Nay chị đề nghị Tòa án xem xét, buộc anh Hà Mạnh H phải hoàn trả cho vợ chồng chị số tiền 635.000.000 đồng, và tiền lãi trong hạn của khoản tiền trên kể từ ngày 09/01/2023 với lãi suất 10%/năm.

Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc cá nhân anh Hà Mạnh H phải trả số tiền 635.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức 10%/ năm kể từ ngày 09/01/2023 đến nay. Anh T xác định do có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên anh đã chủ động liên hệ và nhờ anh H làm giúp các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số tiền 635.000.000 đồng anh T đưa cho anh H bao gồm: tiền công, tiền thuế và tiền trả các chi phí liên quan đến việc tách thửa đất cho anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, không có ý kiến gì khác.

Bị đơn anh Hà Mạnh H vắng mặt, có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Buộc anh Hà Mạnh H phải trả anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị M số tiền 840.316.666 đồng, trong đó tiền gốc là 635.000.000 đồng và tiền lãi là 205.316.666 đồng.

Về án phí: Anh **Hà Mạnh H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh **Nguyễn Văn T** được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: bị đơn anh **Hà Mạnh H** trú tại **thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh**. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã nhận để thực hiện công việc, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 09/01/2023 nguyên đơn và bị đơn lập văn bản thoả thuận thực hiện công việc dịch vụ. Ngày 08/01/2024 bị đơn viết giấy biên nhận, xác định nghĩa vụ trả tiền, nhưng vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Ngày 17/11/2025 nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh. căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự, nguyên đơn khởi kiện là đảm bảo thời hiệu khởi kiện.

[4] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn anh **Hà Mạnh H** vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện giữa anh **Nguyễn Văn T** và anh **Hà Mạnh H** có mối quen hệ quen biết. Do có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh **T** đã nhờ anh **H** làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và tách thửa đất đối với thửa đất anh đang sử dụng. Sau khi thống nhất thoả thuận, ngày 09/01/2023 anh **T** và anh **H** lập hợp đồng dịch vụ (ghi nội dung công việc – dịch vụ), nội dung hợp đồng thể hiện: anh **T** thuê anh **H** làm các thủ tục hành chính để anh **Nguyễn Văn T** được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất anh **T** đang sử dụng, anh **T** có nghĩa vụ trả tiền công, tiền thuê và các chi phí khác để tách thửa đất khác cho anh **H** là 635.000.000 đồng. Sau khi thoả thuận, anh **T** đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả số tiền 635.000.000 đồng cho anh **H**, nhưng anh **H** không thực hiện các công việc theo thoả thuận. Do anh **H** không thực hiện được công việc theo thoả thuận, nên ngày 08/01/2024 anh **H** đã viết giấy biên nhận xác nhận đã nhận số tiền 635.000.000 đồng từ anh **T** và cam kết mỗi tháng anh **H** trả anh **T** 20.000.000 đồng, thời điểm kể từ tháng 01/2024. Tuy nhiên từ tháng 01/2024 đến nay anh **H** không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, do vậy anh **T**

khởi kiện tại Toà án yêu cầu anh **H** phải trả số tiền đã nhận là có căn cứ theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự, cần buộc anh **Hà Mạnh H** phải trả anh **T**, chị **M** số tiền 635.000.000 đồng.

[6] Về lãi suất: Tại hợp đồng dịch vụ và giấy biên nhận các bên không thoả thuận về việc trả lãi, nhưng nay anh **T** khởi kiện yêu cầu anh **H** phải trả lãi theo mức 10%/ năm, tính từ ngày 09/01/2023 và anh **H** đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của anh **T**. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Số tiền lãi anh **H** phải trả từ ngày 09/01/2023 đến ngày 03/4/2026 là: 635.000.000 đồng x 10%/ năm x 03 năm 02 tháng 24 ngày = 205.316.666 đồng

Theo đó, tổng số tiền gốc và lãi yêu anh **Hà Mạnh H** phải trả cho tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: **635.000.000 + 205.316.666 = 840.316.666 đồng.**

[7] Về án phí: Anh **Hà Mạnh H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Anh **Nguyễn Văn T** được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Cụ thể anh **Hà Mạnh H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 840.316.666 đồng = 36.000.000 đồng + 3% x 40.316.666 = 37.209.499 đồng

Xét đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 513, Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 429, Điều 244, Điều 271, Điều 273 – Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Văn T**

2. Buộc anh **Hà Mạnh H** phải có nghĩa vụ trả cho anh **Nguyễn Văn T**, chị **Nguyễn Thị M** số tiền 840.316.666 đồng (*Tám trăm bốn mươi triệu ba trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*), trong đó tiền gốc là 635.000.000 đồng (*sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi là 205.316.666 đồng (*hai trăm linh năm triệu ba trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày có đơn của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí: Anh **Hà Mạnh H** phải chịu 37.209.499 đồng (*Ba mươi bảy triệu hai trăm linh chín nghìn bốn trăm chín chín đồng*) tiền án phí DSST.

Hoàn trả anh **Nguyễn Văn T** số tiền 18.144.375 (*Mười tám triệu một trăm bốn bốn nghìn ba trăm bảy lăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003578 ngày 17/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 -Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Tuyết